kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 09/09/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: H10.CK1.010

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nguyên tử lithium nhường 1 electron. Ion tạo thành là

A. Li^{2+} **B.** Li^{+} **C.** Li^{-} **D.** Li^{7-}

Câu 2. Nguyên tử strontium (Sr, $Z = 38$) có 2 electron ở lớp ngoài cùng. Theo quy tắc octet, khi tham gia liên kết nguyên tử ấy có xu hướng

A. nhường 2 electron **B.** nhường 6 electron **C.** nhận thêm 2 electron **D.** nhường 3 electron

Câu 3. Orbital nguyên tử là

A. lớp vỏ ngoài cùng của nguyên tử.

B. quỹ đạo tròn mà electron chuyển động quanh hạt nhân.

C. vùng không gian chứa hạt nhân nguyên tử.

D. vùng không gian quanh hạt nhân mà xác suất tìm thấy electron là lớn nhất.

Câu 4. So sánh liên kết σ và liên kết π, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Liên kết σ bền hơn vì vùng xen phủ lớn hơn và nằm trên đường nối hai hạt nhân

B. Hai loại liên kết bền như nhau vì đều là liên kết cộng hoá trị

C. Liên kết π hình thành do xen phủ trục, σ do xen phủ bên

D. Liên kết π bền hơn vì có hai vùng xen phủ ở hai phía

Câu 5. Trong chu kì 3, đi từ Na đến S theo chiều tăng dần điện tích hạt nhân, tính base của các hydroxide tương ứng

A. giảm dần, đồng thời tính acid cũng giảm dần **B.** tăng dần, đồng thời tính acid giảm dần

C. không đổi **D.** giảm dần, đồng thời tính acid tăng dần

Câu 6. Nguyên tử trung hòa ^{16}O có 8 proton, 8 neutron. Nguyên tử nhận 2 electron để tạo ion O^{2-}, không có phản ứng hạt nhân. Nhận định nào đúng đồng thời về hạt nhân và lớp vỏ sau khi tạo ion?

A. Điện tích hạt nhân $+8e$ $A = 16$ 6 electron **B.** Điện tích hạt nhân $+8e$ $A = 18$ 10 electron

C. Điện tích hạt nhân $+10e$ $A = 16$ 10 electron **D.** Điện tích hạt nhân $+8e$ $A = 16$ 10 electron

Câu 7. Mô hình rỗng của phân tử sulfur dioxide (SO_2) gồm bao nhiêu quả cầu?

A. 4 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 2

Câu 8. Bốn thẻ dữ liệu dưới đây được ghi cho **cùng một** mẫu nguyên tố. Nhật kí phòng thí nghiệm xác nhận **đúng một** thẻ bị chép nhầm từ mẫu bên cạnh, nhưng không ghi thẻ nào.

Bản ghi	Nội dung
$R1$	Ion bền của mẫu là R^+, có cấu hình electron $1s^2$.
$R2$	Mẫu thuộc chu kì 2.
$R3$	Oxide cao nhất của mẫu có dạng R_2O_5 (với R là kí hiệu của mẫu).
$R4$	So với K, bán kính nguyên tử của mẫu NHỎ HƠN.

Các nguyên tố ứng viên là Li, N. Vị trí của chúng và của nguyên tố mốc K trên bảng tuần hoàn rút gọn:

Chu kì	Nhóm IA	Nhóm VA
2	Li (ứng viên)	N (ứng viên)
4	K (mốc)	—

Quy ước dùng trong bài (chỉ dùng đúng những gì ghi ở đây):

Quy ước	Nội dung
Ion bền	Nguyên tố nhóm IA đến IIIA nhường hết electron lớp ngoài cùng; nguyên tố nhóm VA đến VIIA nhận thêm electron cho đủ tám.
Oxide cao nhất	Nhóm IA: R_2O IIA: RO IIIA: R_2O_3 VA: R_2O_5 VIA: RO_3 VIIA: R_2O_7.
Xu hướng	Trong cùng chu kì, Z tăng thì bán kính nguyên tử giảm và độ âm điện tăng. Trong cùng nhóm A, Z tăng thì bán kính nguyên tử tăng và độ âm điện giảm.
So sánh hợp lệ	Chỉ so xu hướng giữa hai nguyên tố CÙNG chu kì hoặc CÙNG nhóm A; ngoài hai trường hợp đó thì không kết luận được.

Hỏi: cặp nào gồm nguyên tố của mẫu và mã thẻ bị chép nhầm?

A. Mẫu là Li bản ghi bị chép nhầm là $R4$.
B. Mẫu là Li bản ghi bị chép nhầm là $R3$.
C. Mẫu là N bản ghi bị chép nhầm là $R1$.
D. Mẫu là N bản ghi bị chép nhầm là $R4$.

Câu 9. Khi đun nóng chất lỏng trong ống nghiệm, cách làm nào sau đây là sai?

A. Xử lí như chất thải, không dùng.
B. Dùng tay phẩy nhẹ hơi về phía mũi.
C. Hướng miệng ống về phía mình hoặc bạn bên cạnh.
D. Dùng quả bóp cao su để hút.

Câu 10. Nguyên tố hóa học là tập hợp các nguyên tử có cùng

A. số neutron.
B. số khối.
C. số proton.
D. tổng số hạt trong nguyên tử.